

Bài 2: Thơ Đường Luật

Thơ Đường luật là thể thơ đặt ra đời nhà Đường (618-907) bên Trung hoa. Thơ Đường luật có *niêm luật* nhất định, còn gọi là *cận thể* để đối lại với *cổ thể* tức là thơ *cổ phong* (thể thơ có từ trước nhà Đường và không có niêm luật nhất định).

Theo số *chữ* trong câu, thơ có hai lối chính là:

- **Ngũ ngôn** (mỗi câu 5 chữ).
- **Thất ngôn** (mỗi câu 7 chữ).

Theo số *câu* trong bài, thơ Đường luật có hai lối là:

- **Bát cú** (mỗi bài có 8 câu).
- **Tứ tuyệt** (mỗi bài có 4 câu).

BÁT CÚ

Thơ *bát cú* có thể làm theo hai luật:

- **Luật Bằng** bắt đầu bài thơ bằng 2 tiếng *bằng*.
- **Luật Trắc** bắt đầu bài thơ bằng 2 tiếng *trắc*.

1. **Vận** (hay **Vần**): *Độc vận* vì bài thơ bát cú chỉ gieo *một vận*. Vần gieo ở cuối câu đầu và ở cuối các câu chẵn: 2, 4, 6 và 8. Thường dùng vần *bằng*, ít khi dùng vần *trắc*.
2. **Đối**: Câu *thứ ba* **đối** với câu *thứ tư*; câu *thứ năm* **đối** với câu *thứ sáu*, về ý và chữ.
 - **Về đối ý**: Ý tưởng hai câu phải cân nhau.
 - **Về đối chữ**: Chữ *bằng* **đối** với chữ *trắc* và hai chữ cùng một *tự loại* **đối** với nhau (danh từ đối danh từ, động từ đối với động từ, v.v.).
3. **Các luật thơ**: Các luật thơ thông dụng được kê sau đây bằng các chữ:
 - *t, T* chỉ tiếng *trắc*
 - *b, B* chỉ tiếng *bằng*
 - *v* là *vần*

Những chữ *in hoa* là những chữ phải theo đúng luật. Còn những chữ *in thường* thì không bó buộc phải theo đúng luật bằng trắc (là theo lệ bất luận).

Luật Bằng

1. Vần Bằng

Ngũ ngôn bát cú

b B t T B (v)

t T t B B (v)

t T b B T

b B t T B (v)

b B b T T

t T t B B (v)

t T b B T

b B t T B (v)

Thất ngôn bát cú

b B t T t B B (v)

t T b B t T B (v)

t T b B b T T

b B t T t B B (v)

b B t T b B T

t T b B t T B (v)

t T b B b T T

b B t T t B B (v)

2. Vần Trắc

Ngũ ngôn bát cú

b B b T T (v)

t T b B T (v)

t T t B B

b B b T T (v)

b B t T B

t T b B T (v)

t T t B B

b B b T T (v)

Luật Trắc

1. Vần Bằng

Ngũ ngôn bát cú

t T t B B (v)

b B t T B (v)

b B b T T

t T t B B (v)

t T b B T

b B t T B (v)

b B b T T

t T t B B (v)

Thất ngôn bát cú

t T b B t T B (v)

b B t T t B B (v)

b B t T b B t

t T b B t T B (v)

t T b B b T T

b B t T t B B (v)

b B t T b B T

t T b B t T B (v)

2. Vần Trắc

Thất ngôn bát cú

t T b B b T T (v)

b B t T b B T (v)

b B t T t B B

t T b B b T T (v)

t T b B t T B

b B t T b B T (v)

b B t T t B B

t T b B b T T (v)

Chú Ý - Theo lệ **bất luận** thì:

- Trong bài thơ **ngũ ngôn**: chữ *thứ nhất* và *thứ ba* không cần theo đúng luật bằng trắc (*nhất tam bất luận*).
 - Trong bài thơ **thất ngôn**: chữ *thứ nhất*, *thứ ba* và *thứ năm* không cần theo đúng luật bằng trắc (*nhất tam ngũ bất luận*).
 - Theo lệ **bất luận**, ta *có thể đổi luật bằng trắc* của mấy chữ trong câu thơ. Tuy nhiên ta *không thể đổi* những tiếng *bằng* ra tiếng *trắc* trong những trường hợp sau đây, vì đổi như thế câu thơ trở nên khó đọc, gọi là **khô độc**.
 - Chữ *thứ nhất* các câu *chẵn* và chữ *thứ ba* của các câu trong bài thơ *ngũ ngôn*.
 - Chữ *thứ ba* các câu *chẵn* và chữ *thứ năm* các câu *lẻ* trong bài thơ *thất ngôn*.
4. **Niêm** (*Niêm* nghĩa đen là *dính*): Hai câu thơ *niêm* với nhau khi chữ *thứ nhì* của hai câu cùng theo một luật, nghĩa là cùng tiếng *bằng* hay tiếng *trắc*.

Trong bài thơ bát cú:

- câu 1 niêm với câu 8;
- câu 2 niêm với câu 3;
- câu 4 niêm với câu 5;
- câu 6 niêm với câu 7.

Nếu hai câu phải niêm với nhau mà không niêm thì gọi là *thất niêm* (mất sự dính liền).

5. **Bố cục**: Bài thơ bát cú gồm có 4 phần, mỗi phần 2 câu:

- *Đề* thì có *phá đề* (câu 1) là câu mở bài nói lung động cả ý nghĩa trong bài và *thừa đề* (câu 2) là câu nối với câu phá đề mà nói đến đầu bài.
- *Thực* (hoặc *trạng*) (câu 3-4) là giải thích đầu bài cho rõ ràng. Nếu là thơ tả cảnh thì chọn các cảnh sắc xinh đẹp đặc biệt mà mô tả ra, nếu là thơ tả tình thì đem các tình tự mà giải bày ra; nếu là thơ vịnh sử thì lấy công trạng, đức hạnh của người mình muốn vịnh mà kể ra.
- *Luận* (câu 5-6) là bàn bạc. Như tả cảnh thì nói cảnh ấy xinh đẹp thế nào, cảm xúc người ta thế nào; vịnh sử thì hoặc khen hoặc chê, hoặc so sánh người ấy, việc ấy với người khác, việc khác.
- *Kết* (câu 7-8) là tóm ý nghĩa cả bài mà thắt lại cho mạnh mẽ rắn rỏi.

TỨ TUYỆT

Thơ tứ tuyệt là ngắt lấy 4 câu trong bài thơ bát cú mà thành. Vì một bài thơ bát cú có thể ngắt nhiều cách, nên cũng có nhiều cách làm thơ tứ tuyệt:

- Ngắt bốn câu trên – thành ra bài thơ 3 vần, hai câu trên không đối nhau, hai câu dưới đối nhau. Ví dụ:

Dệt Vải

*Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương.
Vây phải lên ngôi gỡ mối giường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giậm đạp máy âm dương.*

Lê Thánh Tôn

- Ngắt bốn câu dưới – thành ra bài thơ 2 vần, hai câu trên đối nhau, hai câu dưới không đối. Ví dụ:

Đề Chùa Vô Vi

*Vắt vẻo sườn non Trạo,
Lơ thơ mấy ngọn chùa.
Hỏi ai là chủ đó?
Có bán, tớ xin mua.*

Vô Danh

- Ngắt bốn câu giữa – thành ra bài thơ 2 vần, cả bốn câu đối nhau, trên đối trên, dưới đối dưới. Ví dụ:

Khóm Gừng Tỏi

*Lỡm chỡm gừng vại khóm,
Lơ thơ tỏi mấy hàng.
Vẻ chi là cảnh mọn,
Mà cũng đến tang thương.*

Ôn Như Hầu

- Ngắt hai câu đầu với hai câu cuối – thành ra bài thơ 3 vắn, cả bốn câu không đối. Ví dụ:

Chừa Rượu

*Những lúc say sưa, cũng muốn chừa,
Muốn chừa, nhưng tỉnh lại hay wa.
Hay wa, nên nổi không chừa được,
Chừa được, nhưng mà cũng chẳng chừa.*

Nguyễn Khuyển

- Ngắt hai câu 1-2 với hai câu 5-6 – thành ra bài thơ 3 vắn, hai câu cuối đối nhau. Ví dụ:

Con Cóc

*Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chón nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.*

Lê Thánh Tôn

Bùi Kỳ không đồng ý với lối định nghĩa Tứ tuyệt trên đây của Dương Quảng Hàm, đã viết:

Song xét những thơ cũ truyền lại, tứ tuyệt nhiều bài dùng cổ phong, thì biết rằng cái nghĩa cho tứ tuyệt là ngắt như trên kia không đúng. Thiết tưởng theo như nghĩa sau này đúng hơn: Tuyệt là tuyệt diệu, mỗi câu chiếm một địa vị đặc biệt. Chỉ trong bốn câu mà thiên thâm, ẩn hiện, chinh kỳ, khởi phục đủ cả, cho nên gọi là tuyệt. Các nhà học giả tinh về nghề thơ đều cho lối thơ tứ tuyệt là khó, vì cả bốn câu đều khó làm và khó làm hay được.

Quốc Văn Cự Thế

BÀI TRÍCH

Thơ Bát Cú

Thất ngôn bát cú, luật bằng, vần bằng.

Kiều Trầm Minh

*Trời xanh thăm thẳm thấu hay không?
Bỗng chốc xui nên phụ tấm lòng.
Trăm trận xông pha đèn trước gió;
Ngàn năm công nghiệp bọt ngoài sông.
Trần ai thương hại người xương trắng,
Đất nước bơ vơ phận má hồng.
Sự thế đã đành dâu hóa bể,
Thôi thời quyết một thác cho xong.*

Chu Mạnh Trinh

Thất ngôn bát cú, luật trắc, vần bằng.

Vịnh Đèo Ngang

*Bãi thăm ngàn xa cảnh vắng teo;
Đèo Ngang lợi bể nước trong veo.
Thà là cúi xuống cây đòi sụt;
Xô xác trông lên, sóng muốn trào.
Lánh chánh đầu mằm chim vững tổ;
Lanh đanh cuối vụng cá ngong triều.
Cuộc cờ kim cổ chùng bao nả?
Non nước trông qua vẫn bấy nhiêu.*

Lê Thánh Tôn

Thất ngôn bát cú, luật trắc, vần trắc.

Kỷ Niệm Đồng Huyền Không

*Cảnh trí hồn nhiên tài tạo hóa,
Công trình tạc điểm tinh kỳ lạ.
Hương trời sẵn ướp bốn mùa hoa,
Gấm lục khôn bì năm sắc đá.
Biển Phật châu quanh núi Ngũ hành.
Hang thần lộ giữa vòm Tiêu xá.
Về đâu ngôi nghỉ sập Quần tiên,
Thế sự ngậm ngùi đời hoạn trá.*

Lê Minh Hải Tâm

Thất ngôn bát cú, luật trắc, vần bằng.

Tôn Phu Nhân Qui Thục

Bài xướng

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tông,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang đông.
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng.
Song phần đành cam dầy gió bụi;
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Chu Công Cẩn:
Thà mất lòng anh, được bụng chồng.*

Tôn Thọ Tường

Thất ngôn bát cú, luật bằng, vần bằng.

Tôn Phu Nhân Qui Thục

Bài họa

*Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi đông.
Ngút tảo đôi Ngô ùn sắc trắng,
Duyên về đất thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bèn trời đất;
Một gánh cương thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn Quyền! anh có biết:
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*

Phan Văn Trị

Trên đây là lời thơ họa vận tức là bài sau họa theo vần, gieo đúng vần, của bài trước. Bài trước gọi là bài xướng (hát lên). Bài sau gọi là bài họa để đáp lại ý nghĩa bài trước.

Thơ Tứ Tuyệt

Ngắt bốn câu dưới của bài thơ ngũ ngôn bát cú luật bằng vần bằng, hai vần, hai câu trên đối nhau.

Già

*Uả ngồi, không muốn chạy,
Chán nói, lại thường nghe,
Chữ tướng cho là nhỏ,
Đi đâu kính cặp kè.*

Lê Minh Hải Tâm

Ngắt bốn câu dưới của bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng, hai vần hai câu trên đối nhau.

Thơ Rượu

*Mạch nước sông Đà tim róc rách.
Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ.
Còn thơ còn rượu, còn xuân mãi,
Còn mãi xuân, còn rượu với thơ.*

Tản Đà

Ngắt bốn câu giữa của bài thơ ngũ ngôn bát cú luật bằng vần bằng, hai vắn, bốn câu đối nhau.

Thăm Mộ Đêm

*Tôi còn mà bạn mất,
Bạn trẻ để tôi già.
Đêm nhớ tìm thăm mộ.
Trăng buồn bỗng sợ ma.*

Lê Minh Hải Tâm

Ngắt bốn câu giữa của bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng, hai vắn, bốn câu đối nhau.

Thơ Rượu

*Công danh hai chữ mùi men nhạt,
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ.
Mạch nước sông Đà tim róc rách,
Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ.*

Tản Đà

Ngắt bốn câu trên của bài thơ ngũ ngôn bát cú luật trắc vần bằng, ba vắn, hai câu dưới đối nhau

Cuộc Đời

*Thắng bại cũng trò chơi,
Lo buồn khéo dở hơi,
Cần chi đời vẫn thế.
Để biết thế là đời.*

Lê Minh Hải Tâm

Ngắt hai câu đầu (1, 2) và hai câu 5, 6 của bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng, ba vắn, hai câu dưới đối nhau.

Con Cóc

*Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chón nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.*

Lê Thánh Tôn

Ngắt hai câu đầu và hai câu cuối bài thơ ngũ ngôn bát cú luật trắc vần bằng, ba vần, không đối nhau.

Sen

*Trời đất thuận tương sinh,
Vàng nguyên đỏ vốn xanh,
Nắng hè hoa ngó vện,
Chẳng chút nhiễm bùn tanh.*

Lê Minh Hải Tâm

Ngắt hai câu đầu và hai câu cuối của bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng, ba vần, không đối nhau.

Thuận Bút

*Mười mấy năm xưa ngọn bút lông,
Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng.
Bây giờ anh đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhọn không?*

Tản Đà